

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ**

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: **Kinh tế;**

Chuyên ngành: **Quản trị kinh doanh**

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Lục Mạnh Hiền

2. Ngày tháng năm sinh: 30/07/1974; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh;

Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Thị trấn Văn Điển – huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): Số 3, ngõ 33/44/102 Phố Pháo Đài Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Phòng 203, Nhà A, Trường Đại học Lao động - Xã hội, số 43, đường Trần Duy Hưng, quận Cầu Giấy thành phố Hà Nội

Điện thoại di động: 0906238118; E-mail: hienlm@ulsa.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ 9/1997 - 10/1999: Chuyên viên Vụ Tài chính Ngân hàng và Các Tổ chức tài chính - Bộ Tài chính

Từ 11/1999 - 3/2004: Trưởng Nhóm KD - Công ty TNHH BHNT Prudential

Từ 4/2004 - 6/2006: Phó phòng Thị trường - Công ty Đầu tư Xây dựng số 2 Hà Nội.

Từ 7/2006 - 9/2008: Trợ lý Tổng Giám đốc - Công ty CP Truyền thông VietnamNet

Từ 10/2008 - 3/2012: Giảng viên, Trưởng Bộ môn Quản trị - Tài chính, Phó trưởng khoa Bảo hiểm - Trường ĐH Lao động - Xã hội.

Từ 3/2012 - 4/2019: Phó trưởng phòng Đào tạo - Trường ĐH Lao động - Xã hội.

Từ 5/2019 - 3/2022: ĐUV, Trưởng Khoa Quản trị kinh doanh - Trường ĐH Lao động - Xã hội

Từ 3/2022 đến nay: Đảng ủy viên, Phó Hiệu trưởng Trường ĐH Lao động – Xã hội
Chức vụ hiện nay: Đảng ủy viên, Phó Hiệu trưởng; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó Hiệu trưởng

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Lao động – Xã hội

Địa chỉ cơ quan: số 43, đường Trần Duy Hưng, quận Cầu Giấy thành phố Hà Nội

Điện thoại cơ quan:.....

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng năm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 05 tháng 10 năm 1995, số văn bằng: A143962; ngành: Kinh tế phát triển; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường ĐH Kinh tế Quốc dân – Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 25 tháng 05 năm 2008; số văn bằng: A0038509; ngành: Quản trị kinh doanh; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường ĐH Kinh tế Quốc dân – Việt Nam.

- Được cấp bằng TS ngày 25 tháng 9 năm 2014; số văn bằng: 003311; ngành: Kinh tế, chuyên ngành: Quản trị kinh doanh; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường ĐH Kinh tế Quốc dân – Việt Nam

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm ..., ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HDGS cơ sở: Học viện Ngân hàng

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HDGS ngành, liên ngành: Kinh tế

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Quá trình học tập từ bậc đại học đến nghiên cứu sinh và thực tiễn công tác tại các doanh nghiệp cũng như công tác giảng dạy tại trường đại học, đã giúp cho ứng viên nhận thấy rằng cùng với sự phát triển của nền kinh tế thị trường thì vấn đề thỏa mãn nhu cầu của khách hàng bên ngoài và bên trong doanh nghiệp là vấn đề cốt lõi để doanh nghiệp tồn tại và phát triển. Chính vì lý do đó, bằng sự vận dụng phương pháp nghiên cứu phù hợp, ứng viên đã xác định nghiên cứu các vấn đề về hành vi, xu hướng tiêu dùng của khách hàng, mối liên hệ giữa chất lượng sản phẩm và sự hài lòng của khách hàng, chính sách phân phối, giá của sản phẩm cũng như động lực làm việc, môi trường làm việc, sự gắn kết của nhân viên để hướng tới mục tiêu thỏa mãn nhu cầu của khách hàng và nhân viên. Đây là những vấn đề thuộc hai hướng nghiên cứu chính của ứng viên là quản trị marketing và quản trị nhân lực. Kết quả nghiên cứu của ứng viên cho từng hướng nghiên cứu được thể hiện như sau:

a) Hướng nghiên cứu 1: Nghiên cứu liên quan đến Quản trị marketing

- *Bài báo và báo cáo khoa học:*

+ Số lượng: 26 bài báo đăng tạp chí và Hội thảo

+ Số thứ tự trong mẫu 1: [1], [2], [3], [4], [6], [8], [10], [11], [12], [14], [16], [17], [18], [20], [24], [25], [26], [27], [28], [30], [31], [34], [38], [39], [40], [41].

Trong đó, bài báo quốc tế uy tín là tác giả chính:

++ Số lượng: 05

++ Số thứ tự trong mẫu 1: [18], [20], [24], [38], [39].

- *Đề tài NCKH các cấp là chủ nhiệm:*

+ Số lượng: 01

+ Số thứ tự trong mẫu 1: [3]

- *Sách phục vụ đào tạo:*

+ Số lượng: 02

+ Số thứ tự trong mẫu 1: [2], [4].

Trong đó, sách CK của NXB uy tín và chương sách của NXB quốc tế uy tín:

++ Số lượng: 0

++ Số thứ tự trong mẫu 1:

- *Hướng dẫn Cao học và TS:*

+ Số lượng: 01

+ Số thứ tự trong mẫu 1: [5].

b) Hướng nghiên cứu 2: Nghiên cứu liên quan đến Quản trị nhân lực

- *Bài báo và báo cáo khoa học:*

+ Số lượng: 15 bài báo đăng tạp chí và Hội thảo

+ Số thứ tự trong mẫu 1: [5], [7], [9], [13], [15], [19], [21], [22], [23], [29], [32], [33], [35], [36], [37].

Trong đó, bài báo quốc tế uy tín là tác giả chính:

++ Số lượng: 02

++ Số thứ tự trong mẫu 1: [21], [29].

- *Đề tài NCKH các cấp là chủ nhiệm:*

+ Số lượng: 03

+ Số thứ tự trong mẫu 1: [1], [2], [4].

- *Sách phục vụ đào tạo:*

+ Số lượng: 02

+ Số thứ tự trong mẫu 1: [1], [3].

Trong đó, sách CK của NXB uy tín và chương sách của NXB quốc tế uy tín:

++ Số lượng: 0

++ Số thứ tự trong mẫu 1:

- *Hướng dẫn Cao học và TS:*

+ Số lượng: 04

+ Số thứ tự trong mẫu 1: [1], [2], [3], [4].

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 05 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng 02 cấp bộ, 02 đề tài NCKH cấp cơ sở;

- Đã công bố (số lượng) 41 bài báo khoa học, trong đó 7 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- Số lượng sách đã xuất bản 04 sách, trong đó đồng chủ biên 03 giáo trình và đồng chủ biên 01 sách chuyên khảo;

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở các năm học Quyết định số 177/QĐ-ĐHLĐXH ngày 26/1/2018; Quyết định số 90/QĐ-ĐHLĐXH ngày 15/1/2019; Quyết định số 2891/QĐ-ĐHLĐXH ngày 31/12/2019; Quyết định số 96/QĐ-ĐHLĐXH ngày 1/1/2021; Quyết định số 2910/QĐ-ĐHLĐXH ngày 28/12/2022);

- Được tặng Bằng khen của Bộ Trưởng Bộ Lao động – Thương Binh và Xã hội các năm 2018, 2020;

- Được tặng Bằng khen của Thủ Tướng Chính phủ năm 2021.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- *Về phẩm chất, đạo đức, tư tưởng:*

Là Đảng ủy viên, tôi thường xuyên rèn luyện, tu dưỡng để có phẩm chất đạo đức tốt; lập trường, tư tưởng vững vàng; luôn ý thức giữ gìn tư cách của một đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, một công chức Nhà nước, một giảng viên đại học; gương mẫu, nghiêm túc thực hiện nghĩa vụ công dân, nghiêm chỉnh chấp hành chế độ, chính sách của pháp luật và quy chế của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ Giáo dục và Đào tạo, của trường Đại học Lao động – Xã hội; luôn lắng nghe, tôn trọng, cố gắng đảm bảo lợi ích của người học; tham gia đầy đủ sinh hoạt Chi bộ ở cơ quan và nơi cư trú; luôn có ý thức kỷ luật cao đối với các công việc được phân công.

- Về chuyên môn, nghiệp vụ:

+ Trên góc độ giảng dạy, hướng dẫn khoa học: nghề giáo là một nghề cao quý, người giáo viên không chỉ là người thầy, người truyền đạt kiến thức mà còn cần là người “truyền lửa”, mang lại cảm hứng cho người học. Hàng năm, tôi luôn đảm bảo định mức, thậm chí vượt định mức giảng dạy các lớp thuộc hệ đào tạo đại học theo sự phân công của khoa chuyên ngành và nhà trường. Trong quá trình giảng dạy, tôi luôn được sinh viên đánh giá rất tốt về năng lực, kinh nghiệm, phương pháp giảng dạy. Trong quá trình giảng dạy, tôi luôn tìm tòi, tư duy, sáng tạo, kết hợp nhiều phương pháp giảng dạy phù hợp, tạo hứng thú cho học viên như trao đổi, thảo luận, bài tập tình huống, trò chơi, tình huống giả định... Tôi thường xuyên nghiên cứu, thử nghiệm các hình thức tổ chức giảng dạy cũng như các phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá để làm căn cứ và cơ sở cho việc ứng dụng vào quá trình đổi mới hình thức, phương pháp giảng dạy và đánh giá người học góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường.

Ngoài giảng dạy, tôi cũng hướng dẫn viết đề án, khóa luận tốt nghiệp cho sinh viên đại học, hướng dẫn học viên cao học, hiện tôi đang hướng dẫn chính 01 NCS khóa 3 của trường.

+ Trên góc độ nghiên cứu: Tôi luôn quan niệm nghiên cứu khoa học là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của người giảng viên để nâng cao trình độ bản thân, bổ sung thêm tài liệu phục vụ giảng dạy, góp phần giải quyết những vấn đề nghiên cứu và thực tiễn đặt ra. Do đó, tôi luôn chủ động trong việc tham gia các diễn đàn nghiên cứu khoa học, tham gia cộng đồng nghiên cứu để tìm tòi, phát triển và mở rộng các ý tưởng nghiên cứu, học hỏi kiến thức, kinh nghiệm từ đồng nghiệp, các chuyên gia cũng như các nhà khoa học. Tôi luôn cố gắng gắn kết các kết quả và phương pháp nghiên cứu khoa học vào phục vụ hoạt động giảng dạy, đào tạo cũng như hướng dẫn sinh viên, học viên cao học. Hàng năm tôi luôn nỗ lực trong việc thực hiện các hoạt động nghiên cứu thông qua các đề tài, bài báo đăng tải trên các tạp chí quốc tế có uy tín thuộc danh mục ISI/ Scopus, các tạp chí trong nước, các hội thảo quốc gia, quốc tế.

Đến nay, tôi đã chủ nhiệm và tham gia nhiều đề tài nghiên cứu (chủ nhiệm 02 đề tài cấp Bộ, chủ nhiệm 02 đề tài cơ sở). Tôi cũng đã nỗ lực nâng cao năng lực nghiên cứu thông qua viết bài báo tạp chí nước ngoài (18 bài) trong đó tạp chí có uy tín (07 bài), tạp chí trong nước (21 bài), bài hội thảo quốc tế (01 bài), và hội thảo quốc gia (01 bài).

Cùng với việc tham gia các hoạt động nghiên cứu trên, Tôi luôn nhận thức được việc tham gia biên soạn giáo trình, sách phục vụ đào tạo cũng là một nhiệm vụ rất quan trọng. Ở góc độ giảng viên, việc viết giáo trình giúp tôi có thêm kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực nghiên cứu. Tôi cũng có thể kết nối tốt hơn nội dung các môn học có mối liên hệ. Tôi đã đồng chủ biên 03 giáo trình và 01 sách chuyên khảo.

+ Trên góc độ quản lý: Tôi đã chủ động xây dựng các quy trình làm việc, áp dụng phương pháp làm việc khoa học để nâng cao hiệu quả trong công việc. Tôi đã chủ trì xây dựng mở ngành đào tạo hệ đại học, rà soát chỉnh sửa chương trình đào tạo bậc đại học,

thạc sĩ và kiểm định chất lượng chương trình đào tạo cũng như kiểm định cơ sở giáo dục chu kỳ 2. Các chương trình này được xây dựng, điều chỉnh dựa trên việc tham khảo, chọn lọc chương trình đào tạo của các trường đại học tương đương trong nước và quốc tế nhằm đảm bảo sự phù hợp chung với điều kiện, xu hướng đào tạo trong điều kiện hội nhập. Việc tham gia xây dựng, rà soát hoàn thiện cũng như kiểm định chương trình đào tạo sẽ giúp tôi có cái nhìn tổng quát về mục tiêu chương trình đào tạo, các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng phù hợp, mối quan hệ giữa các môn học trong chương trình.

Đánh giá chung: Trong quá trình công tác với hơn 14 năm tại Trường Đại học Lao động – Xã hội, tôi đã luôn nỗ lực, chủ động, cố gắng và không ngừng học tập, nghiên cứu và phấn đấu để đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn của một nhà giáo, hoàn thành tốt các nhiệm vụ của một giảng viên đại học

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 14 năm 08 tháng
- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2017-2018				6	194		194/356/81
2	2018-2019			02	3	86		86/186/81
3	2019-2020				7	244		244/404/203
3 năm học cuối								
4	2020-2021					216		216/258/210
5	2021-2022			03		222	90	312/446/210
6	2022-2023					120		120/144/60

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ; hoặc luận án TS hoặc TSKH ; tại nước: năm.....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ; Diễn giải: Chứng chỉ Tiếng Anh TOEFL iBT

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Chứng chỉ Tiếng Anh TOEFL iBT

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Bùi Văn Bình		x	x		13/3/2018 – 22/10/2018	Trường ĐH LĐXH	29/1/2019
2	Nguyễn Tuấn Hưng		x	x		13/3/2018 – 22/10/2018	Trường ĐH LĐXH	29/1/2019
3	H Kim Kbuor		x	x		25/1/2021- 15/07/2022	Trường ĐH LĐXH	15/07/2022
4	Trần Huy Hoàng		x	x		17/01/2022- 3/6/2022	Trường ĐH LĐXH	28/10/2022
5	Nguyễn Minh Hiền		x	x		17/01/2022- 3/6/2022	Trường ĐH LĐXH	28/10/2022

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
1	Quản trị học	GT	NXB Đại học KTQD/2022 ISBN: 978-604-330-525-8	04	Đồng chủ biên	C1: 13-60 C7: 270-319	Giấy xác nhận số:161/XN-ĐHLĐXH 23/6/2023

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
2	Quản trị thương hiệu	GT	NXB Đại học KTQD/2022 ISBN: 978-604-330-526-5	05	Đồng chủ biên	C1:15-83 C2: 84-125	Giấy xác nhận số:162/XN-ĐHLĐXH 23/6/2023
3	Phương pháp nghiên cứu khoa học	GT	NXB Đại học KTQD/2023 ISBN: 978-604-330-573-9	03	Đồng chủ biên	C1:16-41 C2: 42-79	Giấy xác nhận số:163/XN-ĐHLĐXH 23/6/2023
4	Ứng dụng FUZZY trong nghiên cứu kinh doanh	CK	NXB Đại học KTQD/2023 ISBN: 978-604-330-741-2	03	Đồng chủ biên	C3: 58-90	Giấy xác nhận số:164/XN-ĐHLĐXH 23/6/2023

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: []

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận PGS/TS				
II	Sau khi được công nhận PGS/TS				
1	ĐT: Thực hiện phương pháp tiếp cận đảm bảo quyền của nhóm đối tượng yếu thế trong phòng chống mại dâm	CN	Mã số: CT – 2017-03–06/ Cấp bộ	2018	QĐ số 1242 QĐ-LĐT BXH, ngày 17/09/2018. Đạt

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
2	ĐT: Giải pháp phòng chống bạo lực trẻ em trong các cơ sở giáo dục mầm non	CN	Mã số: CB – 2019-10/ Cấp bộ	2020	QĐ số 1037 QĐ-LĐTBXH, ngày 20/08/2020. Đạt
3	ĐT: Nghiên cứu hoạt động định giá nhà ở chung cư thương mại mới tại Tổng công ty đầu tư và phát triển nhà Hà Nội	CN	Mã số: CT2021-05-61/ Cấp Trường	2021	QĐ số 2570 QĐ-ĐHLĐXH, ngày 17/12/2021. Đạt
4	ĐT: Đánh giá sự tác động của chất lượng cuộc sống nơi làm việc đến động lực làm việc của nhân viên ngành chứng khoán	CN	Mã số: CT2022-05-64/ Cấp Trường	2022	QĐ số 2571 QĐ-ĐHLĐXH, ngày 24/11/2022. Đạt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I. Trước khi được công nhận TS								
1	Đề xuất hoàn thiện quy trình xác định giá bất động sản nhà ở	1	x	Tạp chí Thông tin và dự báo Kinh tế - Xã hội ISSN:1859-0764			41: 46-50	5/2009
2	Xây dựng mô hình hệ thống cơ sở dữ liệu cho công tác định giá bất động sản	1	x	Tạp chí Kinh tế phát triển ISSN:1859-0012			154(II): 87-89	4/2010

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
3	Ứng dụng mô hình Hedonic để định giá nhà chung cư thương mại xây dựng mới – nghiên cứu tình huống tại Hà Nội	1	x	Tạp chí Thông tin và dự báo Kinh tế - Xã hội ¹ ISSN:1859-0764			91: 35-42	7/2013
II. Sau khi được công nhận TS								
4	Hoàn thiện quy trình tổ chức định giá nhà ở thương mại xây dựng mới tại các doanh nghiệp đầu tư, xây dựng và kinh doanh nhà ở.	1	x	Tạp chí Thông tin và dự báo Kinh tế - Xã hội ISSN:1859-0764			111: 11-18	3/2015
5	Giải pháp tăng cường tiếp cận các hỗ trợ xã hội đối với người bán dâm tại Việt nam	2	x	Tạp chí Lao động và Xã hội ISSN: 0866-7643			575: 16-18	5/2018
6	Giải pháp truyền thông nhằm thu hút đối tượng tham gia BHXH tự nguyện	2		Tạp chí Lao động và xã hội ISSN: 0866-7643			582: 37-39	9/2018
7	Thực trạng tiếp cận và sử dụng dịch vụ hỗ trợ vốn vay của nhóm đối tượng mại dâm	1	x	Tạp chí Lao động và Xã hội ISSN: 0866-7643			604: 23-26	8/2019

¹ Bài báo bị thất lạc Mục lục: Do tạp chí xuất bản đã lâu và hiện nay tạp chí không còn hoạt động nên U'V không tìm được mục lục. Tuy nhiên, phần cuối trang của bài báo có thể hiện số bài là 91 và thời gian tháng 7/2013 tương ứng với thông tin trên trang Bìa của tạp chí được đính kèm bài báo.

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
8	Studying the factors affecting online payment decision: a case of VietNammese customers	3		Journal of Management Information and Decision Sciences ISSN: 1532-5806	Scopus Q4 ²		22(1): 43-54	11/2019
9	Ứng dụng phương pháp AHP mờ trong xếp hạng thứ tự các yếu tố chính dẫn đến thành công trong khởi nghiệp đối với lĩnh vực du lịch	3		Tạp chí Kinh tế và dự báo ISSN: 0866-7120			6(760): 74-77	2/2021
10	Consumer Behavior and Purchasing Intention Toward Country of Origin Labeling Products: An Empirical Study in Vietnam	4	x	Journal of Asian Finance, Economics and Business ISSN: 2288-4645			8(8): 565-572	4/2021
11	Các yếu tố ảnh hưởng đến lựa chọn loại hình du lịch homestay tại Việt Nam	2		Tạp chí Kinh tế và dự báo ISSN: 0866-7120			12: 73-76	4/2021
12	Nhân tố ảnh hưởng đến quản trị chuỗi cung ứng xanh tại các khách sạn trên địa bàn TP HN	4	x	Tạp chí Tài chính ISSN: 2615-8973			756(1): 126-128	7/2021

² Last coverage: 2021, 24(6)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
13	Tác động của các nhân tố chất lượng cuộc sống nơi làm việc của nhân viên chứng khoán	3	x	Tạp chí Kinh tế và dự báo ISSN: 0866-7120			24: 40-43	8/2021
14	Đánh giá thứ tự ưu tiên của các nhân tố ảnh hưởng đến lựa chọn căn hộ chung cư	3	x	Tạp chí Kinh tế và dự báo ISSN: 0866-7120			33: 37-40	11/2021
15	Đánh giá các nhân tố dẫn đến thành công trong hợp tác giữa trường đại học và doanh nghiệp	3		Tạp chí Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương ISSN: 0868-3808			601: 92-94	11/2021
16	Nghiên cứu sự ảnh hưởng của kinh nghiệm du lịch và giá trị cảm nhận đến lòng trung thành của du khách đối với du lịch làng nghề ở Hà Nội	3		Tạp chí Kinh tế và dự báo ISSN: 0866-7120			35: 41-44	12/2021
17	Các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện của người lao động trên địa bàn TP Hà Nội	3	x	Nguồn nhân lực và An sinh xã hội ISSN: 28155610			2: 21-30	1/2022

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
18	A study on the intention to buy chinese garment products of Vietnamese consumers	5	x	Journal Of Organizational Behavior Research ISSN: 2528-9705	ESCI		7(2): 229-242	2/2022
19	Ảnh hưởng của sự bất an trong công việc và thu nhập giảm đến ý định rời bỏ công việc của nhân viên ngành du lịch trong bối cảnh COVID-19	2	x	Kinh tế và phát triển ISSN: 1859-0012			296: 52-63	2/2022
20	Determinants influencing the intention to switch internet service providers of consumers: application of transaction costs theory	5	x	Corporate Governance and Organizational Behavior Review ISSN: 25211870/ 25211889	Scopus Q4		6(3): 56-66	3/2022
21	The Influence of quality of work-life on employee motivation in Banking industry	3	x	The Seybold Report ISSN: 1533-9211	Scopus Q3		17(7): 866-882	4/2022
22	Các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của nhân viên tại công ty CP Vận tải và dịch vụ Petrolimex Hà Tây	4	x	Nguồn nhân lực và An sinh xã hội ISSN: 28155610			7: 2-14	6/2022

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
23	Đánh giá thứ tự ưu tiên của các yếu tố dẫn đến thành công áp dụng phương pháp mô phỏng hoạt động kinh doanh trong đào tạo ngành quản trị kinh doanh	2	x	Kỷ yếu Hội thảo quốc gia Đào tạo ngành QTKD trong bối cảnh chuyển đổi số và thích ứng biến đổi ISBN: 978-604-386-186-0			53-68	9/2022
24	Evaluation of an Apartment Selection Model by Integrating Fuzzy AHP and Fuzzy TOPSIS	4	x	International Journal of Fuzzy System Applications ISSN: 21561761/2156177X	Scopus Q3		11(1): 1-22	11/2022
25	An integrated fuzzy AHP and fuzzy TOPSIS approach in the hotel industry	3		International Journal of Advanced and Applied Sciences, ISSN: 23133724/2313626X	Scopus Q4		9(10): 135-148	10/2022
26	Imp act of perceived value and satisfaction on brand equity of Hanoi tourism companies, the mediating role of brand loyalty	1	x	International Dicle Scientific Research and Innovation Congress ISBN: 978-625-6380-15-8			1272-1284	11/2022
27	Nhân tố ảnh hưởng tới ứng dụng quản trị chuỗi cung ứng xanh tại các doanh nghiệp du lịch	3		Tạp chí Tài chính ISSN: 2615-8973			1(790): 109-112	12/2022

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
28	Application of Fuzzy Servqual Method in Assessing the Quality of Commercial Apartment Services in Hanoi	1	x	International Journal of Latest Research in Humanities and Social Science (IJLRHSS) ISSN: 2456-0766			5(12): 64-72	12/2022
29	The Relationship between Transformation Leadership, Job Satisfaction and Employee Motivation in the Tourism Industry	3	x	Administrative Sciences ISSN: 20763387	Scopus Q2		12(4): 1-17	12/2022
30	Tác động của chất lượng dịch vụ chung cư thương mại đến sự hài lòng của khách hàng - Nghiên cứu điển hình trên địa bàn thành phố Hà Nội	2	x	Tạp chí nghiên cứu tài chính kế toán ISSN: 1859-4093			2(235): 45-50	1/2023
31	The Customer Attitude in Online Shopping: The Case of Hanoi City	2	x	International Journal of Advanced Multidisciplinary Research and Studies ISSN: 2583-049X			3(1): 446-470	1/2023

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
32	Impact of service quality on customers' satisfaction with securities broker services	1	x	International Journal of Education, Business and Economics Research ISSN: 2583-3006			3(1): 130-141	1/2023
33	The Influence of Transparent Internal Communication on Employees' Adaptation to Firm Changes in the Context of the Covid-19 Pandemic	2	x	Journal of Economics, Finance and Management Studies ISSN: 2644-0490 (Online 2644-0504)			6(2): 892-900	2/2023
34	Determinants Influencing the Customer Attitude in Online Shopping in Hanoi	2	x	International Journal of Small and Medium enterprises and Business Sustainability. ISSN: 2242-9368			8(1): 1-14	3/2023
35	Ứng dụng phương pháp FAHP trong xếp hạng các tiêu chí đánh giá chất lượng nguồn nhân lực quản lý nhà nước về du lịch tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.	2	x	Tạp chí Nghiên cứu kinh tế ISSN: 0545-8986 (0866-7489)			3(538): 101-109	3/2023

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
36	Factors Influencing Employee Engagement with Organizations in the Telecommunications Sector of Hanoi City	1	x	International Journal of Management and social sciences research ISSN: 2455-1422			9(3): 23-34	3/2023
37	Ảnh hưởng của vốn tâm lý đến hiệu suất công việc của nhân viên ngành chứng khoán	1	x	Tạp chí nghiên cứu tài chính kế toán ISSN: 1859-4093			2(238): 31-36	4/2023
38	Prioritizing key success factor of the internet of things application in Tourism enterprise	3	x	International Journal of professional business review ISSN: 2525-3654	Scopus Q4		8(5): 1-15	5/2023
39	The Effect of Destination Image and Perceived Value on the Loyalty of International Tourists to Cultural Heritage Tourism in Hanoi	3	x	Journal of Advances in Decision Sciences (ADS) ISSN: 2090-3367/2090-3359	Scopus Q3		27(1): 87-114	5/2023
40	Impact of viral marketing on the customer purchase intention to natural cosmetics in Hanoi city	1	x	International Journal of Science Academic Research ISSN: 2582-6425			4(5): 5683-5689	5/2023

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tạp, số, trang	Tháng, năm công bố
41	Evaluation of Customer Satisfaction toward Life Insurance Claim Settlement Service	1	x	International Journal of Social Relevance & Concern (IJSRC) ISSN: 2347-9698			11(6): 1-10	6/2023

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau TS là 07 bài. Cụ thể số thứ tự sau: [18], [20], [21], [24], [29], [38], [39].

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	CTĐT đại học ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Chủ trì	Số 863/QĐ-ĐHLĐXH Ngày 9/4/2021	Trường ĐH LĐXH	Số 77/QĐ-ĐHLĐXH Ngày 10/1/2022	
2	CTĐT Thạc sĩ ngành QTKD	Chủ trì	Số 298A/QĐ-ĐHLĐXH Ngày 21/2/2022	Trường ĐH LĐXH	Số 1431A/QĐ-ĐHLĐXH Ngày 22/7/2022	

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*: KHÔNG

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng

ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 2023

NGƯỜI ĐĂNG KÝ



Lục Mạnh Hiện